

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 7 – 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Mai - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1989(có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số D, Rạch R, khóm C, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Trần Chí Đ, sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, Rạch R, khóm C, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Lê Dũng L, sinh năm 1986(xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm D, Phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1945(xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số A, Trương Phùng X, khóm C, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn là bà Lê Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Đ đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/12/2009, số đăng ký 164. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Đ hay nhậu nhẹt, ghen tuông và thường xuyên đánh đập, hành hạ bà. Do không thể sống chung nên bà và ông Đ đã ly thân nhau hơn 07 tháng nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ

chồng chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung, ông bà có 03 con chung tên là Trần Lê Chí V, sinh ngày 29/5/2009, Trần Lê Chí T1, sinh ngày 29/5/2009 và Trần Lê Chí N, sinh ngày 29/5/2016. Hiện nay các con đang sống chung với ông Đ. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con là Trần Lê Chí N, giao cho ông Đ nuôi hai con tên là Trần Lê Chí V và Trần Lê Chí T1, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Lê Dũng L số tiền 150.000.000đ vốn và 37.500.000đ lãi theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024 của Tòa án thành phố C, tỉnh Cà Mau, nợ bà Trần Thị H số tiền 20.000.000đ. Khi ly hôn, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên cho các chủ nợ.

Theo bản tự khai ngày 19/4/2024 của bị đơn là ông Trần Chí Đ trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, ông và bà T chung sống với nhau năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố C vào năm 2009. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung, ông bà có 03 con chung tên là Trần Lê Chí V, sinh ngày 29/5/2009, Trần Lê Chí T1, sinh ngày 29/5/2009 và Trần Lê Chí N, sinh ngày 29/5/2016. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi hai con là Trần Lê Chí V và Trần Lê Chí T1, giao con tên là Trần Lê Chí N cho bà T nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Lê Dũng L số tiền 150.000.000đ, nợ bà Trần Thị H số tiền 20.000.000đ. Khi ly hôn, mỗi người tự trả một nửa cho các chủ nợ trên.

Theo bản tự khai ngày 16/5/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Dũng L trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Vào ngày 19/10/2020, ông Đ và bà T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông và đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết xong bằng Quyết định số 148/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024. Kết quả giải quyết như sau: Ông và ông Đ thống nhất tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông Đ lập ngày 19/10/2020 là vô hiệu. Ông Đ và bà T đồng ý trả cho ông L số tiền 150.000.000đ vốn và lãi là 37.500.000đ, tổng cộng hai khoản là 187.500.000đ. Do vụ việc đã giải quyết xong nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Vì vậy ông xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Theo bản tự khai ngày 05/6/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Bà có cho vợ chồng ông Đ và bà T vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), nay bà T khởi kiện xin ly hôn, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà và ông Đ, bà T sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do

bận việc nên bà xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Dũng L và bà Trần Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt có lý do, ông Trần Chí Đ đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, bà T và ông Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/12/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 164 tại Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T cương quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Đ hay ghen, thường xuyên đánh đập, hành hạ bà, hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Còn ông Đ có bản tự khai thể hiện không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong cuộc sống. Tuy nhiên, theo sự trình bày của bà T và ông Đ cho thấy, cuộc sống vợ chồng của ông bà thực tế đã có mâu thuẫn trầm trọng do không quý trọng, chăm sóc nhau, ông Đ có hành vi bạo lực với bà T, vợ chồng đã ly thân nhau. Hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chung, ông bà có 03 con chung tên là Trần Lê Chí V, sinh ngày 29/5/2009, Trần Lê Chí T1, sinh ngày 29/5/2009 và Trần Lê Chí N, sinh ngày 29/5/2016. Hiện nay các con đang ở chung với ông Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông Đ đều thống nhất, khi ly hôn, bà T đồng ý giao hai con tên là Trần Lê Chí V, sinh ngày 29/5/2009, Trần Lê Chí T1 cho ông Đ tiếp tục nuôi, ông Đ giao con tên là Trần Lê Chí N, sinh ngày 29/5/2016 cho bà T trực tiếp nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà T và ông Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông Đ đều xác định không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông Đ cùng với ông L, bà H đều thống nhất nội dung: bà T và ông Đ có nợ ông L số tiền vốn 150.000.000đ và lãi phát sinh, nợ bà H 20.000.000đ vốn. Khi ly hôn, bà T và ông Đ đều thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ cho các chủ nợ nêu trên. Còn ông L cho rằng số nợ trên đã được Tòa án thành phố C, tỉnh Cà Mau giải quyết xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024 nên

không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà H cũng cho rằng để các bên tự thỏa thuận về số nợ 20.000.000đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết nợ trong vụ án này.

[7] Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị T ly hôn với ông Trần Chí Đ.

2/ Về con chung: Buộc bà Lê Thị T giao 02 con chung tên là Trần Lê Chí V, sinh ngày 29/5/2009 và Trần Lê Chí T1, sinh ngày 29/5/2009 cho ông Trần Chí Đ trực tiếp nuôi. Buộc ông Trần Chí Đ giao 01 con chung tên là Trần Lê Chí N, sinh ngày 29/5/2016 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi. Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà T và ông Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không đề cập xem xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà T phải nộp. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0008294, ngày 22/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ, ông L và bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh

